

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNST.

Ngày: 01/9/2020

Về: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lư Thành Danh.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Trương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST- HN, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST – HN, ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, trú tại 342/220, khu vực KH, phường PT, quận CR, TPCT. Có mặt.

Bi đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, trú tại số 303, khu vực PH, phường PT, quận CR, TPCT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và tại bản lấy lời khai nguyên đơn - ông Nguyễn Văn Đ trình bày và yêu cầu: Vào khoảng năm 2012 ông Đ và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông có thời gian đi cải tạo từ năm 2013 thì không còn chung sống với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T. Do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 22/10/2012, hiện đang sống với bà T nên ông yêu cầu để con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày và yêu cầu: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà cũng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Thống nhất với yêu cầu của ông Đ về việc giao con chung cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng. Không có tài sản chung và nợ chung.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Cả hai vẫn giữ nguyên theo biên bản hòa giải ngày 14/7/2020.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, TPCT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ mới tiến hành xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

[3] **Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:**

* *Về nội dung tranh chấp:* Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 2012 cho đến năm 2013 ông Đ đi cải tạo một thời gian về thì vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau vì xa cách quá lâu nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến nay cả hai đều nhận thấy đã không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên tại phiên tòa ông bà yêu cầu không công nhận cả hai là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Về con chung thì cả hai cũng thống nhất theo

yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cháu Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 22/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Không có tài sản chung và nợ chung.

** Về căn cứ khởi kiện:*

Tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2020 (bút lục 25, 26), nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Đồng thời, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì có cơ sở.

Xét thấy: Cả hai vợ chồng khai thống nhất là đã không còn tình cảm với nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa, cả hai đều kiên quyết ly hôn và yêu cầu không công nhận ông bà là vợ chồng do không đăng ký kết hôn. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu nuôi con chung thì cả hai đều thống nhất để bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời tại bản tự khai của cháu Nguyễn Khánh D cũng có nguyện vọng được chung sống với bà T nên để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt của cháu D. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cháu Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 22/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng, không ai đặt vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyên 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006072 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 14, 51, 53, 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Có 01 cháu là Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 22/10/2012. Thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006072 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Chi cục THA Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kim Xuân